TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

T**hẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Vinh

2. Ông Nguyễn Văn Diệm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 563/2022/TLST – HNGĐ ngày 01/12/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1995 *(Có mặt tại phiên tòa)*

HKTT: Xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, thành phố H

Chỗ ở: Số xxx, ngách xxx ngõ xxx B, phường K, quận T, thành phố H

- Bị đơn: Anh Dương Ngọc T, sinh năm 1995 *(Có mặt tại phiên tòa)*

HKTT và chỗ ở: Xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H vào ngày 01/11/2019 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống cùng mẹ anh T tại xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, H. Quá trình chung sống, chị H và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai bên thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính

cách không hòa hợp và do anh T thường xuyên ghen tuông không có căn cứ. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị H, anh Tú đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 7/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Hư và anh T có liên lạc với nhau và anh T có đề nghị đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2020. Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị H đang làm nhân viên hành chính tại Công ty T có địa chỉ tại tầng xxx số xxx N, T, H. Mức thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/ tháng.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Dương Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Ngọc T và chị Trần Thị Thu H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, TP. H vào ngày 01/11/2019. Sau khi kết hôn, anh T và chị H sống cùng mẹ anh T tại xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, H. Quá trình chung sống, anh và chị H sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai bên có cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T phát hiện chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Do không kiềm chế được cảm xúc nên anh T đã đuổi chị H ra khỏi nhà, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 6/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T có liên lạc với chị H và đề nghị đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay, anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Dương Ngọc T và chị Trần Thị Thu H và có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2020. Cháu V đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh T đang làm nhân viên giao hàng, có mức thu nhập trung bình từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/ tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, bà Đặng Thị H – là mẹ đẻ của chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống cùng với mẹ anh T tại xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, thành phố H. Trong thời gian chung sống, do không có sự tin tưởng

nhau nên anh T thường xuyên ghen tuông không có căn cứ dẫn đến hai bên có cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhưng do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H và anh T đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ giữa năm 2022 đến nay. Chị H và anh T có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2020. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét, tạo điều kiện cho chị H được nuôi cháu V do cháu là bé gái, cháu còn nhỏ và chưa đủ 36 tháng tuổi. Bà H cam kết tạo mọi điều kiện về chỗ ở, thời gian và hỗ trợ về kinh tế để chị H có thể chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V.

Tại biên bản làm việc ngày 30/12/2022, Đại diện phòng lao động thương binh và xã hội huyện T có ý kiến: Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình, do Tòa án tự tiến hành xác minh và ý kiến của các đương sự để giải quyết vụ án. Trường hợp, chị H và anh T không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2022, Đại diện thôn Q, Ủy ban nhân dân xã V cho biết: Chị H và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V và sinh sống tại xóm xxx, thôn Q, xã V, huyện T, H. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau và sống ly thân từ khoảng tháng 7/2022 đến nay. Hiện tại, chị H không sinh sống cùng với anh T tại địa phương. Chị H và anh T có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2022. Nay, chị H xin ly hôn anh T thì Đại diện thôn Q, Ủy ban nhân dân xã V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với vấn đề con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến của các đương sự. Trường hợp, hai bên có phát sinh tranh chấp thì đề nghị căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu nhỏ dưới 36 tháng tuổi cho chị H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi con. Nếu được Hội đồng xét xử giao con chung cho chị nuôi thì mẹ con chị sẽ về sống tại thôn L, xã N, huyện T, H cùng với mẹ đẻ của chị.

Anh T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và cho rằng năm 2021, chị H đã tự ý đi phá thai không hỏi ý kiến của anh T nên chị H không có tư cách để nuôi con. Mặt khác, anh T khẳng định anh có điều kiện nuôi con tốt hơn chị H. Do vậy, anh T đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh nuôi dưỡng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án và điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T; Về con chung: Giao cháu Dương Hạ

V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định Anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại thôn Q, xã V, huyện T, thành phố H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Các bên đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T đăng ký kết hôn ngày ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có sự tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị H và anh T đã sống ly thân một thời gian, trong thời gian ly thân, hai bên không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ nhưng chị H và anh T đều xác định hai bên không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và anh T cũng nhất trí ly hôn với chị H. Xét thấy, chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H đối với anh Dương Ngọc T là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2020. Ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị H và anh T là hoàn toàn chính đáng và cả hai đều có điều kiện về chỗ ở, thu nhập để đảm bảo nuôi con. Tuy nhiên, do cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi và là cháu gái nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền và lợi ích tốt nhất cho cháu V.

3.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Dương Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi có thay đổi khác.

3.4] Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T xác nhận không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

3.5] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3.6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H. Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Dương Ngọc T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T có có một con chung là cháu Dương Hạ V, sinh ngày 17/4/2020. Giao cháu Dương Hạ V cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dương Hạ V đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Dương Ngọc T cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Dương Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Dương Ngọc T xác nhận không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0083240 ngày 28/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị H, anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp H
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- UBND xã V, huyện T (Giấy CNKH số 170/2019 ngày 01/11/2019);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Hải